

Số: 15 /BC-KHCN

Bắc Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI
GIAI ĐOẠN 2006 – 2008 CỦA TỈNH BẮC GIANG**

Thực hiện yêu cầu của Bộ KH&CN tại công văn số 340/BKHCN-BDP ngày 25 tháng 2 năm 2009 về việc xây dựng báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu triển khai giai đoạn 2006 - 2008, Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang báo cáo như sau:

**I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN GIAI ĐOẠN
2006 - 2008**

1- Biểu tổng hợp các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Năm	Số lượng các đề tài/dự án cấp tỉnh/thành phố phân theo các lĩnh vực					Tổng số
	KHXH và nhân văn	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp, xây dựng, giao thông, thủy lợi, Công nghệ thông tin	Y tế, giáo dục - đào tạo	Các lĩnh vực khác	
2006	5	7	3	4	2	21
2007	5	4	7	2	3	21
2008	0	4	3	0	1	8
Tổng	10	15	13	6	6	50

2- Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh giai đoạn 2006 - 2008

(Xem phụ lục 1)

3- Tổng hợp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

Năm	Nguồn vốn sự nghiệp KH (triệu đồng)		Các nguồn vốn khác (triệu đồng)		Tổng số
	Số lượng KP	Tỷ lệ % (1)/(5)x%	Số lượng KP	Tỷ lệ % (2)/(5)x100	
	(1)	(2)	(3)	(4)	
2006	7.700		0		7.700
2007	8.240		0		8.240
2008	8.201		0		8.201
Tổng	24.141				24.141

Ghi chú: Kinh phí SNKH năm 2008 theo QĐ của UBND tỉnh giao là 8.776 triệu đồng, thực tế sử dụng 8.201 triệu đồng (do tỉnh cắt giảm 10% để chống lạm phát).

II- NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI NỔI BẬT

1- Trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN mới tiếp tục được khẳng định và phát huy được hiệu quả tốt, đem lại thu nhập cao, như: Mô hình thâm canh lúa theo phương pháp SRI được mở rộng tại các huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên... với diện tích hàng ngàn ha, năng suất bình quân tăng 30% so với kỹ thuật canh tác thông thường, đồng thời giảm công cấy, giảm giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật; mô hình sản xuất củ giống khoai tây sạch bệnh, thâm canh một số giống khoai tây mới ở Bắc Giang đã giúp nhiều hộ nông dân chủ động được giống khoai tây đảm bảo chất lượng; việc bảo tồn và phát triển một số cây dược liệu có giá trị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại huyện Sơn Động, đã xây dựng vườn sưu tập thực vật với trên 100 loài cây để bảo tồn nguồn gen cây dược liệu quý, góp phần phát triển đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; công tác điều tra, khảo sát thực địa, xây dựng mô hình sản xuất quả vải tươi theo tiêu chuẩn VietGAP với quy mô 10ha, đã áp dụng biện pháp kỹ thuật làm chậm quá trình chín quả từ 15-18 ngày, năm 2008 nhân rộng ra 1.100ha. Quá trình nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm phụ gia chứa zeolit từ khoáng sét Yên Dũng, kết quả bước đầu cho thấy phụ gia zeolit đã giúp tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi; dự án Xây dựng mô hình sản xuất dưa chuột bao tử, cà chua, ngô, rau vụ Đông với quy mô ban đầu 6 ha đang được thực hiện có hiệu quả và nhân rộng ra 40ha tại huyện Lục Nam, đây là cơ sở khoa học phục vụ cho việc xây dựng và tiếp tục nhân rộng một số mô hình sản xuất rau nhằm quy hoạch và xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu của tỉnh.

Tiếp tục nhân rộng các mô hình cánh đồng có thu nhập cao; xây dựng các mô hình nhân giống và ứng dụng công nghệ bảo quản giống khoai tây bằng kho lạnh; nghiên cứu phát triển các loại cây ăn quả có múi có giá trị kinh tế cao và đưa vào ghép cải tạo cây vải nhằm thay đổi lại cơ cấu giống vải (diện tích 100ha) để giải vụ, kéo dài thời gian thu hoạch. Sử dụng phân sinh học, phân bón lá, các chất điều hoà sinh trưởng, chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu sử dụng cho rau và cây ăn quả.

Nhiều giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt đã được trồng, thay thế các giống cũ ở địa phương như: các giống lúa lai, giống ngô lai, giống lạc L14, L15, L23... Các giống cây ăn quả, như: vải chín sớm, bưởi Diễn, bưởi Phúc Trạch, cam Đường Canh...

- Trong chăn nuôi: Đã xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng KH&CN nhằm phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá; tập trung nghiên cứu và đẩy mạnh phát triển đàn ong, đàn bò nuôi thịt; quản lý vùng an toàn dịch thông qua hệ thống GIS; đưa vào ứng dụng một số giống gia cầm đặc sản như: nuôi thử nghiệm gà Sao; ứng dụng thành công công nghệ xử lý bằng hoc-mon để chuyển giới tính trong sản xuất giống cá rô phi đơn tính tại địa phương đạt tỷ lệ trên 90%. Đưa các giống bò thịt lai 1/2 hoặc 3/4 máu của các giống bò Zebu, Red Sindhi, Brashman để lai tạo và cải tạo đàn bò địa phương; phát triển đàn lợn giống Móng cái lai F1, phát triển đàn ong Ý... Đặc biệt, đã thực hiện thành công đề tài khôi

phục, phát triển chăn nuôi gia súc tại thôn Sơn Quả, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà; trong đó đã khắc phục và chấm dứt tình trạng gia súc chết hàng loạt trong 9 năm qua, đến nay 100% các hộ đang phát triển nghề chăn nuôi.

Đưa tiến bộ KHKT vào phát triển nông thôn: Xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng hầm khí sinh học BIOGA, giúp cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn; ứng dụng công nghệ phát triển làng nghề: xử lý độc tố trong rượu Làng Vân, chế biến mây tre đan ở xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên; phát triển trồng nấm ăn, nấm dược liệu ở các huyện góp phần tăng thu nhập cho lao động nông thôn.

- Ngoài ra, trong những năm gần đây nhiều tiến bộ kỹ thuật khác trong lĩnh vực nông nghiệp- PTNT được triển khai áp dụng hiệu quả tốt, như: kỹ thuật nuôi giun đất làm thức ăn cho gia cầm, thuỷ sản; kỹ thuật nuôi cá diêu hồng, nuôi tôm càng xanh, cá lóc bông miền Nam, nuôi ong mật, gà thả đồi,... mô hình trồng hoa ly, trồng gấc lai, dưa bao tử, cà chua bi, ớt chế biến, sản xuất nấm ăn; sử dụng chế phẩm EMINA trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ môi trường... Thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN và thực hiện mô hình, mỗi năm đã có hàng ngàn lượt người dân được tập huấn, tiếp thu những kiến thức mới về khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế ở gia đình, địa phương, đơn vị mình, góp phần xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng.

2- Trong lĩnh vực công nghiệp – TTCN và ngành nghề nông thôn

Đã chú trọng đầu tư cải tiến công nghệ, đưa các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất để tăng quy mô, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; chú ý đưa công nghệ, kỹ thuật mới vào chế biến nông sản, thực phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Hướng dẫn các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đưa tin học vào phục vụ công tác quản lý, điều hành, quảng bá, tiếp thị sản phẩm. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO 9001:2000 vào hoạt động cho các doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Một số đề tài, dự án tiêu biểu đã được triển khai, như: Nghiên cứu sử dụng phụ gia trợ nghiền BiFi trong sản xuất xi măng, đã tiến hành sản xuất được 22,5 nghìn tấn xi măng có sử dụng chất trợ nghiền BiFi, trong đó bước đầu đánh giá chi phí sản xuất giảm, năng suất nghiền và thời gian bảo quản xi măng nâng lên; đề tài Chuyển giao công nghệ nâng cấp công đoạn sóng của dây chuyền sản xuất hộp ca-ton, đã sản xuất thử nghiệm được 5.000m² sản phẩm giấy hộp carton chất lượng tốt. Dự án Chuyển giao công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng một số sản phẩm rau, quả đóng hộp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như: dưa chuột dầm dấm, cà chua dầm dấm, dưa nước đường, đã sản xuất thử nghiệm được 6 tấn sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu. Đề tài Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sấy nhiệt độ thấp để bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm ở tỉnh Bắc Giang, đã tiến hành khảo sát vùng nguyên liệu, lựa chọn và hoàn thiện quy trình công nghệ sấy ở nhiệt độ thấp để bảo quản các loại rau, củ, quả đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, công nghệ này khi hoàn thiện rất có khả

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1- Những kết quả đạt được

- Nhìn chung, trong những năm qua các nhiệm vụ KH&CN đã được xác định trên tinh thần công khai, dân chủ, thiết thực, bám sát nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Sở KH&CN đã xây dựng chương trình hoạt động nghiên cứu, ứng dụng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm với các lĩnh vực chính bao gồm: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp-TTCN và ngành nghề nông thôn; khoa học xã hội và nhân văn.

- Hoạt động KH&CN trong thời gian qua đã được khẳng định, có tác dụng hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước và những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác quản lý cũng như cơ chế quản lý KH&CN từng bước được hoàn thiện và đổi mới như: xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cơ chế giao trực tiếp, tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; quy định về triển khai thực hiện, đánh giá, nghiệm thu các kết quả nghiên cứu KH&CN; khen thưởng; quản lý kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu; quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ KH&CN; quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện/thành phố, ngành; công bố các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao các thành tựu, kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống... đã đạt được một số kết quả tốt.

2-Kinh nghiệm triển khai đẩy mạnh ứng dụng KH&CN ở địa phương

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương, Sở KH&CN Bắc Giang rút ra một số kinh nghiệm trong đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng KH&CN như sau:

2.1- Bám sát vào các chỉ thị, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để định hướng cho các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng: Với mục tiêu các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng KH&CN nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ luôn bám sát vào Chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2010, vào 5 Chương trình phát triển KT- XH mà Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XVI của tỉnh đã đề ra để chỉ đạo, định hướng cho các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng của tỉnh. Do vậy, các kết quả nghiên cứu - ứng dụng trong thời gian qua nhìn chung đã phát huy hiệu quả tích cực, nhiều đề tài, dự án có khả năng ứng dụng, nhân rộng cao.

2.2- Triển khai các đề tài, dự án KH&CN có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải: Khắc phục tình trạng nghiên cứu - ứng dụng dàn trải, từ năm 2008 trở lại đây Sở KH&CN đã tích cực tham mưu để UBND tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu - ứng dụng của tỉnh có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Số lượng đề tài dự án cấp tỉnh được phê duyệt và thực hiện năm 2006 là 21, năm 2007 là 21, năm 2008 là 8 đề tài, dự án và năm 2009 là 10 đề tài, dự án. Từ đó Sở KH&CN tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc để các đề tài, dự án triển khai có chất lượng, hiệu quả.

2.3- Tăng cường sự phối hợp trong nghiên cứu - ứng dụng với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương: Năm 2008 và 2009 Sở KH&CN đã tích cực phối hợp với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu – ứng dụng và bước đầu đem đạt hiệu quả tốt. Như phối hợp triển khai 9 nhiệm vụ KH&CN với Bộ Giáo dục và ĐT; phối hợp với Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học mỏ địa chất, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Thái Nguyên... để tổ chức hội thảo khoa học và thực hiện các đề tài, dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh.

2.4- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ nhân rộng kết quả các đề tài, dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh: Trong chương trình công tác năm 2009 Sở KH&CN sẽ phối hợp với các ngành của tỉnh, tham mưu để UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường nghiên cứu - ứng dụng và nhân rộng kết quả các đề tài, dự án trên địa bàn tỉnh.

3-Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1-Những tồn tại, hạn chế

- Công tác xã hội hoá trong hoạt động khoa học và công nghệ làm chưa được nhiều nên chưa khơi dậy có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ trong xã hội, chưa có chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc nhập các công nghệ mới, hiệu quả cao vào địa phương còn ít.

- Công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã được phát động nhưng chưa được các ngành, các cấp, các doanh nghiệp quan tâm đúng mức, số lượng sáng kiến cấp tỉnh đăng ký và được công nhận hạn chế.

- Một số đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thực hiện tiến độ còn chậm so với kế hoạch. Việc tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được thực hiện được theo phương thức đấu thầu, tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ chưa được nhiều(30 %). Chất lượng của một số sản phẩm nghiên cứu còn hạn chế, tỷ lệ ứng dụng được vào thực tiễn còn thấp, một số kết quả nghiên cứu của đề tài trước chưa được kế thừa cho những nghiên cứu tiếp theo.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là triển khai các chương trình khoa học và công nghệ có quy mô lớn còn ít. Nhiều đề tài, dự án có kết quả nghiên cứu, nhưng việc tổ chức nhân rộng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Một số chủ nhiệm dự án không nghiêm túc thực hiện giao nộp (vốn B) theo qui định

- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ ở các huyện nhìn chung chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm. Hoạt động của Hội đồng KH&CN ở một số huyện chưa phát huy tốt vai trò trong việc tư vấn định hướng phát triển KH&CN gắn với phát triển KT-XH, xác định các nhiệm vụ KH&CN ở địa phương.

- Số cán bộ có trình độ chuyên sâu về nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ, nhất là ở tuyến cơ sở còn yếu. Đầu tư xã hội nói chung cũng như đầu tư về ngân sách cho sự nghiệp khoa học và công nghệ có tăng song còn ở mức thấp (khoảng 0,4 % chi ngân sách tỉnh).

- Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ quản lý. Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN còn có nhiều khó khăn về trụ sở, mặt bằng nghiên cứu thử nghiệm, nguồn nhân lực.

3.2- Nguyên nhân

- Nhận thức của một số cấp uỷ Đảng, chính quyền, một số ban, ngành, đoàn thể và một số cán bộ lãnh đạo về vị trí, vai trò của KH&CN chưa đầy đủ nên chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động KH&CN, chưa thực sự được coi KH&CN là quốc sách hàng đầu. Một số ngành, huyện, thành phố và doanh nghiệp chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng tiềm lực KH&CN cho địa phương, đơn vị mình, nên chưa có sự đầu tư thoả đáng để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ. Chưa huy động tốt các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý, nghiên cứu khoa học, sản xuất và kinh doanh.

- Công tác quản lý sở hữu công nghiệp, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã được phát động nhưng chưa được các ngành, các cấp, các doanh nghiệp quan tâm đúng mức. Việc quản lý và hoạt động của các phòng thí nghiệm trên địa bàn hiệu quả không cao.

- Mạng lưới hoạt động KH&CN ở các ngành, huyện, thành phố hoạt động chưa thực sự hiệu quả. Các cán bộ phụ trách KH&CN của các ngành, huyện, thành phố năng lực còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều việc. Đặc biệt, ở các huyện, thành phố, ngành chưa có biên chế chuyên trách về lĩnh vực KH&CN.

- Thực trạng công nghệ của tỉnh hiện nay còn có nhiều xí nghiệp, cơ sở sản xuất, trang thiết bị còn thô sơ, dây truyền công nghệ lạc hậu, chưa có điều kiện đầu tư đổi mới, việc nhập các công nghệ mới vào địa phương còn ít.

- Thực trạng nhân lực KH&CN của tỉnh còn thiếu các chuyên gia giỏi, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, thiếu và yếu nhất là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh cũng như các đơn vị nghiên cứu triển khai.

- Cơ sở vật chất, tài chính cho hoạt động KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu. Kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN của tỉnh còn thấp. Tình hình lạm phát gia tăng, kinh phí đầu tư vào KH&CN của các ngành, các huyện, thành phố và doanh nghiệp cho hoạt động KH&CN còn quá ít, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1- Với UBND tỉnh:

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm tăng cường biên chế cho Sở KH&CN để đáp ứng yêu cầu của tổ chức bộ máy mới. Đề nghị bố trí 1 cán bộ biên chế chuyên trách làm công tác quản lý KH&CN ở mỗi huyện, thành phố, ngành.

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở nghiên cứu - ứng dụng trên địa bàn tỉnh; xây dựng, nâng cấp hệ thống các phòng thí nghiệm; xây dựng trụ sở và khu vực thử nghiệm của Trung tâm ứng dụng Tiến bộ KH&CN.

2- Với Bộ KH&CN:

- Đề nghị Bộ KH&CN và UBND tỉnh cân đối, tăng mức đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh đảm bảo đạt tỷ lệ trên 1% so với tổng chi ngân sách toàn tỉnh để có điều kiện tăng đầu tư cho hoạt động KH&CN phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

- Đề nghị Bộ KH&CN xem xét phê duyệt cho triển khai mới các dự án thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi tại tỉnh Bắc Giang đã đăng ký.

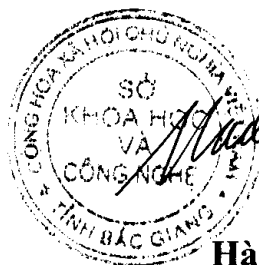
- Đề nghị Bộ KH&CN có chính sách đầu tư xây dựng các trung tâm vùng về ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho các huyện miền núi để tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng KH&CN ở các vùng khó khăn; hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách để nhân rộng kết quả các đề tài, dự án KH&CN.

- Đề nghị Bộ nghiên cứu xây dựng, hướng dẫn các địa phương hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN và phương pháp đánh giá hiệu quả của hoạt động KH&CN phục vụ kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách thu hút các nguồn nhân lực KH&CN, chính sách khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật công tác tại vùng sâu, vùng xa và đặc biệt khó khăn./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c)
- Lưu: VT, KH-TC,QLKH.

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Quê

**Phụ lục 1: Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
thực hiện giai đoạn 2006-2008**

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tóm tắt những kết quả chính đạt được hoặc dự kiến kết quả đạt được, hiệu quả KTXH đem lại (tính bằng tiền, số việc làm tạo ra, hiệu quả môi trường, hoặc các kết quả khác có thể đo đếm được...)
I	KHXN và nhân văn		
1	ĐT: Suu tầm nghiên cứu di sản dân ca các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang	3/2006 8/2007	- Suu tầm, ghi chép, biên dịch, biên soạn Tuyển tập dân ca các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang.
2	ĐT: Thực trạng nguyên nhân và các giải pháp đấu tranh phòng chống sản xuất buôn bán hàng giả địa bàn tỉnh	2/2006 2/2007	- Nghiên cứu, phân tích nguyên nhân, kiến nghị giải pháp ngăn chặn, giảm thiểu nạn sản xuất, buôn bán hàng giả trên địa bàn tỉnh.
3	ĐT: Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh BG	4/2006 3/2007	- Điều tra, đánh giá trình độ, năng lực, công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh giai đoạn 2001-2005 - Đề xuất nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức
4	ĐT: Thực trạng và những giải pháp đấu tranh với việc vi phạm pháp luật về thuế GTGT ở tỉnh BG	8/2006 12/2007	- Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001- 2005 - Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh chống các hành vi vi phạm và tội phạm về thuế GTGT.
5	ĐT: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số biện pháp cải tiến công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh BG	9/2006 9/2007	- Đánh giá thực trạng tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và thi hành các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền sau khi giải quyết vụ việc. - Đề xuất giải pháp hạn chế khiếu kiện phát sinh, vượt cấp...
6	ĐT: Công tác bảo vệ, giữ gìn các di vật, cổ vật trong các di tích lịch sử, văn hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	6/2007 12/2008	- Đánh giá thực trạng đấu tranh chống trộm cắp, xâm hại di vật, cổ vật trong di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2000- 2006 - Đề xuất giải pháp bảo vệ, giữ gìn di sản văn hoá, di vật, cổ vật.
7	ĐT: Suu tầm, nghiên cứu và biên soạn lịch sử An toàn khu II của Trung ương Đảng ở huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang	7/2007 6/2008	- Biên soạn bản thảo tập sách Lịch sử An toàn khu II của Trung ương Đảng ở huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. - Đề xuất giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của An toàn khu II.

8	ĐT: Đánh giá thực trạng, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh ở tỉnh Bắc Giang	9/2007 2/2009	- Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế và thực hiện chính sách bảo hiểm y tế giai đoạn 2004-2006. - Đánh giá thực trạng quyền lợi người tham gia bảo hiểm y tế. - Đề xuất giải pháp đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm y tế.
9	ĐT: Thực trạng và những giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ ở tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn hiện nay	9/2007 8/2009	- Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác quy hoạch cán bộ ở tỉnh. - Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp đến năm 2010 và những năm tiếp theo.
10	ĐT: Bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống người Cao Lan tại bản Khe Nghè, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	11/2007 10/2009	- Xây dựng mô hình bảo tồn bản làng văn hoá dân tộc Cao Lan: phục dựng nhà sàn, trưng bày hiện vật sinh hoạt, khôi phục nghề thuốc nam, khôi phục nghề sản xuất giấy dó, khôi phục nghề dệt thêu thổ cẩm, hát dân ca. - Biên soạn bản thảo sách giới thiệu văn hoá người Cao Lan ở bản Khe Nghè.
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		
11	ĐT: Thử nghiệm một số giống cây ăn quả có múi tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn và Lạng Giang	1/2006 12/2007	- Tuyển chọn giống cây ăn quả có múi phù hợp góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng. - Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi tại địa phương
12	ĐT: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp khôi phục phát triển chăn nuôi gia súc tại xóm đầu, thôn Sơn Quả, xã Lương Phong huyện Hiệp Hoà tỉnh BG	2/2006 12/2007	- Xác định các nguyên nhân khiến gia súc chết hàng loạt. - Đề xuất giải pháp khắc phục, xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi phù hợp với địa phương
13	DA: Xây dựng và nhân rộng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa theo kỹ thuật SRI tại huyện Yên Dũng tỉnh BG	02/2006- 12/2007	- Mô hình thâm canh lúa 440ha trong 4 vụ đạt năng suất 6,5 tấn/ha, giảm 60-70% chi phí giống, 20-30% công lao động.
14	DA: Xây dựng và nhân rộng mô hình trồng và chế biến sản cao sản KM 94 góp phần xoá đói giảm nghèo trên 5 xã ĐBKK của huyện Lục Nam	3/2006 2/2007	- Xây dựng mô hình trồng sản KM94 quy mô 100ha, mô hình chế biến tinh bột công suất 25 tấn củ tươi/ngày, mô hình sấy sản công suất 20tấn/ngày. - Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc sản KM94 cho 500 người.

15	DA: Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ KT ghép cải tạo cây vải để cơ cấu lại giống vải tỉnh BG	9/2006 8/2008	- Ghép cải tạo 4 ha vải với gốc ghép 4-6 năm tuổi (3ha) và trên 6 năm tuổi (1ha) nhằm rải vụ thu hoạch vải.
16	DA: Ứng dụng KH&CN mới phát triển chăn nuôi bò lai Sind sinh sản và bò thịt tại căn cứ hậu cần Bắc Lý huyện Hiệp Hoà	10/2006 7/2008	- Mô hình chăn nuôi 25 con bò sinh sản và 41 con bò thịt giống bò lai Sind bằng phương pháp nuôi tập trung bán chăn thả. - Mô hình trồng cỏ voi 2,5ha.
17	DA Xây dựng mô hình sản xuất và bảo quản củ giống khoai tây sạch bệnh tại huyện Yên Dũng, tỉnh BG	10/2006 12/2007	- Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai tây sạch bệnh cấp nguyên chủng (1ha) và cấp xác nhận (5ha) - Xây dựng mô hình bảo quản củ giống khoai tây bằng kho lạnh (2 kho công suất 35 tấn giống khoai tây/năm)
18	DA: Ứng dụng công nghệ sản xuất giống cá rô phi đơn tính tại Trung tâm giống thủy sản cấp 1 Bắc Giang	7/2007 6/2008	- Mô hình nuôi cá bố mẹ (1000 kg) sản xuất 1 triệu cá giống tỷ lệ đực 95% bằng công nghệ sử dụng hormone 17 α Methyltestosterone. - Quy trình sản xuất cá rô phi đơn tính phù hợp với tỉnh Bắc Giang.
19	ĐT: Nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm phụ gia chứa zeolit từ khoáng sét Yên Dũng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm trong trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	9/2007 12/2008	- Sản xuất thử nghiệm 300kg zeolit X và zeolit Y từ khoáng sét Yên Dũng phục vụ trồng trọt và chăn nuôi. - Sản xuất thử 12.852 kg thức ăn chăn nuôi chứa zeolit dùng chăn nuôi 84 lợn thịt với 3 công thức thử nghiệm có tỷ lệ phối trộn zeolit khác nhau và 1 công thức đối chứng. - Sản xuất 400kg phụ gia chứa zeolit phối trộn với phân bón ứng dụng trong trồng lạc, trồng lúa ở Hiệp Hoà (1.440m ² lạc; 1440m ² lúa)
20	DA: Nhân rộng mô hình sản xuất khoai tây giống sạch bệnh và khoai tây hàng hoá tại huyện Yên Dũng, Việt Yên và Hiệp Hoà	10/2007 7/2008	- Mô hình 15ha sản xuất giống khoai tây sạch bệnh cấp xác nhận từ giống nguyên chủng. - Mô hình bảo quản củ giống bằng kho lạnh: 5 kho công suất 35 tấn/kho/năm.
21	DA: Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn và chất lượng cao tại tỉnh Bắc Giang	11/2007 10/2009	- Mô hình nhân giống rau an toàn trong nhà lưới (240m ²), sản xuất rau an toàn trong nhà lưới (1ha), sản xuất rau an toàn ngoài đồng ruộng (12ha) - Hoàn thiện 9 quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn, 1 quy trình sử dụng chế phẩm sinh học.

22	ĐT: Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc tại một số huyện miền núi thuộc tỉnh Bắc Giang.	1/2008 12/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định công thức lai, xây dựng quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện chăn nuôi tạo ra lợn có tỷ lệ nạc cao. - Xây dựng mô hình 5 trang trại vào 30 nông hộ chăn nuôi lợn hướng nạc. - Xây dựng 6 quy trình về chăn nuôi, thú y, vệ sinh chuồng trại phù hợp điều kiện địa phương.
23	ĐT: Xây dựng mô hình sản xuất dưa chuột, cà chua, ngô rau phục vụ chế biến tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	1/2008 12/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, thử nghiệm để lựa chọn được 2-3 loại rau, mỗi loại ít nhất 3 giống phù hợp với sinh thái vùng. - Xây dựng 6 mô hình tổng quy mô 12ha sản xuất các loại rau đạt tiêu chuẩn chế biến. - Xây dựng các quy trình kỹ thuật sản xuất rau tương ứng.
24	ĐT: Xây dựng cơ cấu cây trồng chịu hạn cho vùng canh tác khó khăn về nước tưới tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	1/2008 12/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo nghiệm, lựa chọn 1 số giống ngô, lạc, cà tím, lúa chịu hạn cho vùng khó khăn về nước tưới tại Sơn Động. - Xây dựng các công thức luân canh cây chịu hạn. - Xây dựng mô hình luân canh các giống cây chịu hạn
25	ĐT: Ứng dụng một số quy trình công nghệ trước và sau thu hoạch để sản xuất và bảo quản quả vải chất lượng cao, rải vụ thu hoạch, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	1/2008 12/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất 15ha vải thiều theo VietGAP đảm bảo chất lượng, giải vụ thu hoạch đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
III	Công nghiệp, xây dựng, giao thông, thủy lợi, công nghệ thông tin		
26	DA: Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ ép để sản xuất cửa giả gỗ bằng vật liệu tổng hợp	4/2006 12/2006	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình sản xuất cửa giả gỗ bằng nguyên liệu tổng hợp. - Đào tạo công nhân kỹ thuật.
27	DA: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý công tác thú y tỉnh BG trên nền công nghệ thông tin địa lý (GIS)	12/2006 11/2008	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phần mềm quản lý công tác thú y trên nền CNTT địa lý.
28	ĐT: Một số mẫu thiết kế nhà ở đô thị và nông thôn	10/2006 8/2007	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế 60 mẫu nhà đô thị và nông thôn. Tuyển chọn 30 mẫu để xuất bản bộ mẫu nhà.

29	DA: Ứng dụng CNTT xây dựng thử nghiệm CSDL hệ thống thông tin đất đai cấp xã Nội Hoàng huyện Yên Dũng và xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	2/2007 7/2007	- Xây dựng phần mềm quản lý hệ thống thông tin đất đai cấp xã. - Hệ thống dữ liệu địa chính được cập nhật, chuẩn hoá.
30	DA: Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan cấp huyện, xã trên địa bàn huyện Yên Dũng	7/2007 6/2008	- Mô hình kết nối mạng máy tính cho các cơ quan cấp huyện, xã ở Yên Dũng với 94 nút mạng tạo môi trường trao đổi thông tin thuận lợi, nhanh chóng.
31	DA: Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của mô hình “một cửa” theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 tại UBND huyện Lạng Giang	10/2007 9/2008	- Xây dựng phần mềm phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận “1 cửa”.
32	DA: Chuyển giao công nghệ để nâng cấp công đoạn sóng của dây chuyền sản xuất hộp carton	9/2007 12/2007	- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ nâng cấp công đoạn sóng của dây chuyền sản xuất hộp carton, sản xuất thử nghiệm 5000m ² sản phẩm.
33	DA: Chuyển giao công nghệ chế biến và nâng cao chất lượng một số sản phẩm rau, quả đóng hộp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu	10/2007 6/2008	- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ chế biến một số loại rau quả đóng hộp; quy trình ghép mí tự động đuôi chân không - Cải tạo hệ thống thanh trùng, dây chuyền sản xuất; sản xuất thử 6 tấn sản phẩm.
34	DA: Hỗ trợ chuyển giao công nghệ sử dụng phụ gia trợ nghiền BiFi trong sản xuất xi măng tại Công ty cổ phần Xi măng Bắc Giang	10/2007 9/2008	- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ sử dụng phụ gia BiFi nhằm nâng cao năng suất nghiền, tăng sản lượng, tăng độ linh động của xi măng, giảm chi phí sản xuất. - Thiết kế hệ thống phun phụ gia trợ nghiền. - Sản xuất thử 22.500 tấn xi măng.
35	DA: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sấy ở nhiệt độ thấp để bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm ở tỉnh Bắc Giang	12/2007 11/2008	- Xây dựng quy trình sấy nhiệt độ thấp bảo quản rau, củ, quả. - Mô hình sấy quy mô 1m ³ ở Bắc Giang.
36	Ứng dụng công nghệ sử dụng hợp chất SA44/LS40 vào xây dựng đường giao thông nông thôn tại xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà	5/2008 10/2008	- Sử dụng hợp chất SA44/LS40 xây dựng 1206,25m đường giao thông nông thôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương đường giao thông nông thôn loại A. - Quy trình công nghệ làm đường sử dụng hợp chất SA44/LS40

37	DA: Xây dựng các hệ thống thông tin hỗ trợ cải cách hành chính trên công thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang	2/2008 6/2009	- Xây dựng phần mềm hỗ trợ tiếp nhận và trả lời về các thủ tục hành chính. - Xây dựng trang thông tin hỗ trợ cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang.
38	DA: Ứng dụng mã nguồn mở trong việc xây dựng hệ thống dữ liệu tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Bắc Giang	7/2008 6/2009	- Xây dựng phần mềm mã nguồn mở hệ thống dữ liệu tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Bắc Giang. - Xây dựng dữ liệu tự nhiên, kinh tế, xã hội từ khi tái lập tỉnh (1997) đến 2007
IV	Y tế, giáo dục- đào tạo		
39	ĐT: Cơ sở khoa học xây dựng đội ngũ giáo viên ngành giáo dục và đào tạo tỉnh BG đến năm 2015	1/2006 12/2006	- Đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên làm cơ sở xây dựng quy hoạch ngành giáo dục và đào tạo tỉnh đến năm 2015. - Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trường CDSP tỉnh.
40	ĐT: Bảo tồn và phát triển một số cây dược liệu có giá trị trên địa bàn tỉnh BG	7/2006 6/2008	- Xây dựng vườn sưu tập cây dược liệu 2ha với 100 loại cây. - Xây dựng quy trình trồng, chăm sóc cây dược liệu. - Đào tạo cán bộ kỹ thuật cơ sở.
41	ĐT: Nghiên cứu, xây dựng mô hình về tư vấn, chăm sóc SKSS vị thành niên tại cộng đồng tỉnh BG	12/2006 12/2007	- Xây dựng mô hình tư vấn chăm sóc sức khoẻ sinh sản vị thành niên tại cộng đồng. - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư vấn về chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cơ sở.
42	ĐT: Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố nguy cơ của bệnh đái tháo đường trên địa bàn tỉnh BG	8/2006 12/2007	- Xác định tỷ lệ người mắc bệnh đái tháo đường ở độ tuổi từ 15 trở lên. Đánh giá một số yếu tố nguy cơ của bệnh. - Đề xuất mô hình quản lý bệnh.
43	ĐT: Nghiên cứu, biên soạn và hướng dẫn giảng dạy Địa lý địa phương tỉnh Bắc Giang	7/2007 12/2008	- Biên soạn Tài liệu và Hướng dẫn giảng dạy Địa lý địa phương tỉnh Bắc Giang cho giáo viên và học sinh các bậc học phổ thông. - Đề xuất giải pháp đưa tài liệu vào thực tiễn giảng dạy.
44	ĐT: Nghiên cứu, biên soạn và hướng dẫn giảng dạy Lịch sử địa phương tỉnh Bắc Giang	7/2007 12/2008	- Biên soạn Tài liệu và Hướng dẫn giảng dạy Lịch sử địa phương tỉnh Bắc Giang cho giáo viên và học sinh các bậc học phổ thông. - Đề xuất giải pháp đưa tài liệu vào thực tiễn giảng dạy.

V	Các lĩnh vực khác		
45	ĐT: Nghiên cứu đề xuất phương án bảo tồn và phát triển loài trám đen cổ thụ tại xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Giang	7/2006 12/2008	- Ghép 2000 cây trám đen. - vườn ươm cây trám diện tích 4000m ² .
46	ĐT: Khảo sát, đo đạc bức xạ và đánh giá an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	4/2006 12/2006	- Điều tra 63 cơ sở bức xạ trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu an toàn bức xạ
47	ĐT: Điều tra đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực khoa học công nghệ tỉnh Bắc Giang	8/2007 11/2008	- Điều tra, đánh giá tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang - Xây dựng phần mềm CSDL quản lý nhân lực khoa học và công nghệ.
48	ĐT: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong bối cảnh hội nhập	8/2007 7/2008	- Đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001-2006 - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập. - Xây dựng trang thông tin nội bộ quản lý các doanh nghiệp.
49	ĐT: Nghiên cứu quy luật hình thành và phát triển các tai biến địa chất (lũ quét, trượt lở) tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế tỉnh Bắc Giang làm cơ sở khoa học định hướng chiến lược quy hoạch phát triển bền vững kinh tế, xã hội	11/2007 10/2009	- Làm rõ quy luật hình thành và phát triển các tai biến địa chất. - Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo khả năng xuất hiện các tai biến địa chất.
50	ĐT: Đánh giá việc ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh giai đoạn 2002- 2007 và đề xuất giải pháp, chính sách khuyến khích nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng vào đời sống và sản xuất	5/2008 12/2008	- Đánh giá việc ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án KH&CN giai đoạn 2002-2007 thuộc các lĩnh vực nông nghiệp – phát triển nông thôn và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. - Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Phụ lục 2: Biểu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nổi bật của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2006- 2008

TT	Tên kết quả	Xuất xứ của kết quả (cơ quan tạo ra, tên đề tài/dự án, cấp quản lý) kinh phí đầu tư cho đề tài, dự án	Quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu; Hiệu quả kinh tế- xã hội mang lại (tính bằng tiền, bằng số công việc tạo ra, hiệu quả về môi trường hoặc các kết quả khác có thể đo đếm được)
1	Kỹ thuật SRI trong sản xuất lúa.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tạo ra: Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Dũng - Tên dự án: Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa theo kỹ thuật SRI - Cấp quản lý: Cấp tỉnh - Kinh phí: 428,8 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả kinh tế của việc áp dụng kỹ thuật: nâng cao năng suất đạt 65-74,76 tạ/ha; thu nhập trung bình trên 18 triệu đồng/ha (so với đối chứng là 11,23 triệu đồng/ha). Thâm canh lúa theo kỹ thuật SRI làm giảm ô nhiễm môi trường đất và nước. - Hiệu quả xã hội: nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển nông thôn bền vững. - Quy mô được phê duyệt là 440ha trong 2 năm 2006,2007 đã được nhân rộng đạt diện tích 1.200ha trên toàn huyện và được tiếp tục mở rộng tại các địa phương khác.
2	Sản xuất cá rô phi đơn tính sử dụng hormone 17 α methyltestosterone	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tạo ra: Trung tâm Giống thủy sản cấp 1 Bắc Giang - Tên dự án: Ứng dụng công nghệ sản xuất giống cá Rô phi đơn tính tại Trung tâm giống thủy sản cấp 1 Bắc Giang - Cấp quản lý: Cấp tỉnh - Kinh phí: 122,1 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ xử lý cá bột bằng hormone 17α methyltestosterone tạo ra cá Rô phi có tỷ lệ đực đạt 95% cung cấp giống cho chăn nuôi thủy sản của địa phương. - Giúp chủ động về giống, giảm chi phí giống, tăng tốc độ sinh trưởng, giảm tỷ lệ nhiễm bệnh so với cá nhập trước đây.

3	Nâng cấp công đoạn sóng trong dây chuyền sản xuất hộp carton.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tạo ra: Công ty Cổ phần Giấy xuất khẩu Bắc Giang - Tên dự án: Chuyên giao công nghệ để nâng cấp công đoạn sóng trong dây chuyền sản xuất hộp carton. - Cấp quản lý: Cấp tỉnh - Kinh phí: 161,22 triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp công đoạn sóng trong dây chuyền sản xuất hộp carton, sản xuất thử 5.000m² tỷ lệ đạt chất lượng 80%. - Lắp đặt hoàn thiện dây chuyền sản xuất giúp chuyển đổi hướng sản xuất của công ty sau khi ngừng dây chuyền sản xuất giấy để gây ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường cho sản phẩm của công ty, tạo thêm việc làm cho 25 lao động/ca, tăng thu nhập cho người lao động.
4	Nghiên cứu lịch sử An toàn khu II.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tạo ra: Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Giang - Tên đề tài: Suru tâm, nghiên cứu và biên soạn lịch sử An toàn khu II của Trung ương Đảng ở huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang - Cấp quản lý: Cấp tỉnh - Kinh phí: 118,1 triệu đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra, phỏng vấn, sưu tầm các tài liệu về An toàn khu II; xây dựng bộ ảnh tư liệu, phim tư liệu về An toàn khu II của Trung ương Đảng tại Hiệp Hoà, Bắc Giang. - Biên soạn bản thảo sách <i>Lịch sử An toàn khu II của Trung ương Đảng tại huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Giang</i>. Bản thảo làm rõ các vấn đề: thời gian xây dựng và tồn tại, vai trò lịch sử, những đóng góp của An toàn khu II với Cách mạng tháng Tám 1945. - Đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của An toàn khu trong thời kỳ đổi mới.
5	Giải pháp đấu tranh phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tạo ra: Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang - Tên đề tài: Thực trạng nguyên nhân và các giải pháp đấu tranh phòng chống sản xuất buôn bán hàng giả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang - Cấp quản lý: Cấp tỉnh - Kinh phí: 96 triệu đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng sản xuất và buôn bán hàng giả: các loại hàng giả, thủ đoạn sản xuất và buôn bán, ảnh hưởng của tệ nạn hàng giả đến kinh tế, xã hội. - Tìm ra các nguyên nhân phát sinh, tồn tại của nạn sản xuất, buôn bán hàng giả. Dự báo diễn biến của tệ nạn này trong thời gian tới. - Đề xuất các giải pháp về tuyên truyền, phòng, chống, đấu tranh trực tiếp với tệ nạn sản xuất, buôn bán hàng giả, trong đó làm rõ vai trò của các cơ quan chức năng, nhà sản xuất, nhà buôn bán phân phối và người tiêu dùng trong phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả.